

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## **BÀI 6: CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG**

### **TIẾT .....: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN**

#### **I. Mục tiêu**

##### **1. Kiến thức**

- Nhận biết chủ đề của bài học
- Trình bày được các khái niệm truyền thuyết
- Trình bày được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo.

##### **2. Năng lực**

###### **a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

###### **b. Năng lực riêng:**

- Năng lực văn học: nhận biết được đặc điểm của thể loại truyền thuyết và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.
- Năng lực ngôn ngữ: nhận biết sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.

##### **3. Phẩm chất:**

- Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

#### **II. Thiết bị dạy học và học liệu**

##### **1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi: **Em đã từng đọc hoặc nghe kể về người anh hùng nổi tiếng nào trong các câu chuyện kể của nước ta chưa? Đó là ai? Hãy kể lại chiến công tiêu biểu của họ?** Và chiếu hình ảnh các anh hùng dân tộc.

*HS suy nghĩ và trả lời những câu hỏi:*

- **GV dẫn dắt vào bài mới:** *Các em thân mến. Dân tộc Việt Nam trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, qua một thời kì lịch sử ấy đều có những người anh hùng tạo nên những chiến công hiển hách, phi thường. Trong bài học số 6 này chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu về chủ đề “Những người anh hùng” trong văn học xưa để thêm yêu, thêm tự hào về truyền thống dân tộc ta.*

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv chuyển giao nhiệm vụ</li> <li>+ Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:</li> <li>+ Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?</li> <li>+ Thể loại và kiểu loại văn bản?</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ</li> <li>- GV lắng nghe, gợi mở</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hs trả lời câu hỏi</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh</li> </ul>	<p><b>I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chủ đề bài học:</b> Chuyện kể về những người anh hùng</li> <li>→ Cộng đồng hình thành và phát triển nhờ vào sự cống hiến, hi sinh của những người anh hùng</li> <li>→ Giúp các em có ý chí, sức trẻ để xây dựng tổ quốc.</li> </ul> <p><b>- Thể loại chính:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Truyện truyền thuyết</li> <li>+ Văn bản thông tin</li> </ul>


## Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn

**a. Mục tiêu:** Hiểu được khái niệm và một số yếu tố của truyền thuyết

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK GV yêu cầu HS trả câu hỏi sau: + Tìm hiểu về khái niệm Truyền thuyết</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> HS nghiên cứu trả lời câu hỏi.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b> GV chốt và mở rộng kiến thức.</p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK - Gv chia lớp thành 4 nhóm và hoàn thành Phiếu học tập</p> <p><b>Thời gian: 5 phút</b></p>  <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p>	<p><b>II. TRI THỨC NGỮ VĂN</b></p> <p><b>1. Khái niệm Truyền thuyết</b> <i>Truyền thuyết</i> là loại truyện dân gian, kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử, thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.</p> <p><b>2. Một số yếu tố của truyện thuyết</b></p> <p>- <b>Cốt truyện:</b> Kể về cuộc đời và những chiến công của các nhân vật lịch sử, hoặc giải thích các phong tục, tập quán...</p> <p>- <b>Trình tự kể:</b> được kể theo mạch tuyến tính (có tính chất nối tiếp, theo trình tự thời gian).</p> <p>- Nội dung thường gồm ba phần gắn với cuộc đời của nhân vật chính: hoàn cảnh xuất hiện và thân thế; chiến công phi thường; kết cục.</p>

<p>HS thảo luận và hoàn thành phiếu học tập</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b> GV chốt và mở rộng kiến thức.</p>	<p>- <b>Nhân vật chính:</b> là những người anh hùng, người có tài năng xuất chúng, đại diện cho nhân dân....</p> <p>- <b>Lời kể:</b> cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca.</p> <p>- <b>Yếu tố kì ảo</b> (lạ và không có thật): xuất hiện đậm nét, nhằm tôn vinh, lí tưởng hóa nhân vật và chiến công của họ</p>
--	--

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:

Chọn 1 truyền thuyết yêu thích và liên hệ với tri thức ngữ văn vừa đọc:

- Tóm tắt cốt truyện
- Xác định nhân vật chính
- Chỉ ra yếu tố hoang đường, kì ảo sử dụng trong truyện

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

### Hoạt động 4: Vận dụng

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

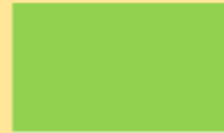
**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

# THẺ GHI NHỚ KIẾN THỨC

**YÊU CẦU:** ghi lại những từ khóa trọng tâm trong bài học ngày hôm nay.



**Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT.....: THÁNH GIÓNG

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- Xác định được chủ đề của truyện.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của truyện thuyết: các tình huống điển hình, chi tiết tiêu biểu.
- Nhận xét, đánh giá được một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện trong lời kể truyện thuyết.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng:

- + Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Thánh Gióng.
- + Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Thánh Gióng.

#### 3. Phẩm chất:

- Bài học góp phần phát triển phẩm chất: Tôn trọng, tự hào về lịch sử dân tộc, tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** Xem video HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

GV cho HS xem video về một câu chuyện lịch sử

- GV đặt câu hỏi:

1. Video nói về sự việc gì?
2. Nhân vật chính trong câu chuyện đó là ai?
3. Theo em nhân vật đó là người như thế nào?

**GV dẫn vào bài:** Chủ đề đánh giặc giữ nước là chủ đề xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam. Thánh gióng là truyện dân gian thể hiện rất tiêu biểu và độc đáo chủ đề này. Truyện kể về ý thức sức mạnh đánh giặc ngoại xâm của người Việt cổ. Trong tiết học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin cơ bản về tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Thao tác 1: đọc- chú thích	I. Đọc- Tìm hiểu chung



<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp</li> <li>- Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS theo dõi sgk</li> <li>- GV quan sát, hỗ trợ</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá</li> </ul>	<p><b>1. Đọc- chú thích</b></p> <p><b>a. Đọc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 bạn đọc trước lớp</li> <li>- Đọc diễn cảm, lưu loát, ngắt nghỉ đúng; chú ý lời đối thoại của các nhân vật.</li> </ul> <p><b>b. Chú thích</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tục truyền:</b> theo dân gian truyền lại</li> <li>- <b>Phúc đức:</b> sống lương thiện, thường làm những điều tốt</li> <li>- <b>Truyền:</b> ra lệnh</li> <li>- <b>Tâu:</b> chỉ việc bè tôi nói với vua</li> <li>- <b>Oai phong lẫm liệt:</b> hung dũng, làm cho người khác phải kính phục, khiếp sợ</li> <li>- <b>Chết như ngã rạ:</b> người (quân giặc) đổ xuống hàng loạt</li> <li>- <b>Tàn quân:</b> quân lính còn sót lại sau khi đã thất bại</li> </ul>
<p><b>Thao tác 2: Tìm hiểu về tác phẩm</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS tìm hiểu các yếu tố:</li> <li>+ Tác phẩm: thể loại, xuất xứ, PTBĐ, ngôi kể, nhân vật chính...</li> <li>+ Để tìm hiểu bố cục, GV cho HS Sắp xếp các hình ảnh sau theo thứ tự của cốt truyện và nêu nội dung của từng bức ảnh</li> </ul>	<p><b>2. Tìm hiểu chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoàn cảnh:</b> Thuộc thời đại Hùng Vương- mở đầu lịch sử Việt Nam → nguồn gốc dựng nước và giữ nước.</li> <li>- <b>Thể loại:</b> truyền thuyết</li> <li>- <b>Ngôi kể:</b> ngôi thứ ba</li> <li>- <b>PTBĐ:</b> tự sự</li> <li>- <b>Nhân vật chính:</b> Cậu bé Gióng</li> <li>- <b>Bố cục:</b> 4 phần</li> </ul> <p><b>P1.</b> Từ đâu... đặt đâu nằm đấy</p>



- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

→ Sự ra đời của Gióng

**P2.** Tiếp theo ...giết giặc cứu nước

→ Sự trưởng thành của Gióng (Gióng đòi đi đánh giặc và lớn nhanh như thổi)

**P3.** Tiếp theo ...bay lên trời

→ Gióng đánh tan giặc Ân và bay về trời.

**P4.** Phần còn lại

→ Tình cảm của nhân dân (Những dấu tích còn lại)

- **Tóm tắt:** Đồi Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng nọ. Tuy làm ăn chăm chỉ, lại có tiếng là phúc đức nhưng mãi không có con. Một hôm, bà vợ ra đồng ướm chân vào một vết chân lạ, về nhà bà thụ thai. Bà mang thai mười hai tháng mới sinh ra một cậu bé. Nhưng kì lạ thay, cậu bé lên ba mà vẫn không biết nói biết cười. Bấy giờ, giặc Ân tràn vào bờ cõi nước ta. Thế giặc rất mạnh. Vua Hùng bèn sai người đi tìm người tài giúp nước. Khi nghe tiếng của sứ giả, cậu bé bỗng cất tiếng nói xin được đánh giặc. Từ đấy cậu bé lớn nhanh như thổi, cơm ăn mấy cũng chẳng no. Cậu bé vươn vai thành tráng sĩ, rồi mặc áo giáp sắt, cưỡi ngựa sắt và cầm roi sắt xông ra diệt giặc. Roi sắt gãy, Gióng bèn nhổ cả những bụi

	tre bên đường để quét sạch giặc thù. Khi giặc tan, Gióng một mình một ngựa lên đỉnh núi Sóc Sơn rồi bay thẳng về trời. Nhân dân lập đền thờ để tưởng nhớ công ơn. Ngày nay vẫn còn lại những dấu tích xưa
--	---

## Hoạt động 2: Khám phá văn bản

**a. Mục tiêu:** Phân tích được hoàn cảnh ra đời, lớn lên, đi đánh giặc trở về trời của Gióng

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đặt câu hỏi gợi dẫn HS</li> <li>+ Thánh Gióng ra đời trong thời gian, địa điểm, gia đình như thế nào? Em có nhận xét gì về sự ra đời đó?</li> <li>+ Quá trình mang thai của của Gióng có gì đặc biệt?</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul>	<p><b>II. Khám phá văn bản</b></p> <p><b>1. Nhân vật Thánh Gióng</b></p> <p><b>a. Sự ra đời của Thánh Gióng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Thời gian:</b> đời Hùng Vương thứ 16</li> <li>- <b>Địa điểm:</b> tại làng Gióng</li> <li>- Là con của <b>gia đình nông dân</b></li> <li>→ <b>Điều bình thường</b></li> <li>- <b>Quá trình mang thai</b></li> <li>+ Dẫm vào một vết chân to, có bầu</li> <li>+ Mang thai 12 tháng</li> <li>+ Sinh ra Thánh Gióng</li> <li>+ 3 tuổi Gióng vẫn chưa biết nói cười</li> <li>→ <b>Điều khác lạ</b></li> <li>→ Gióng là con của người nông dân lương thiện. Sự ra đời của Gióng là sự kết</li> </ul>

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chia nhóm và hoàn thành phiếu học tập

**Hình thức:** GV chia lớp thành 2 nhóm

**Thời gian:** 5 phút

**Yêu cầu:** Tìm hiểu về sự lớn lên của Gióng

Nhóm:..... Lớp:.....

*Tìm hiểu sự lớn lên của Thành Gióng*

Chi tiết	Ý nghĩa	Ngữ cảnh
a. Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc		
b. Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt		
c. Bà con góp gạo nuôi Gióng		

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS báo cáo sản phẩm nhóm

hợp giữa điều bình thường và điều khác lạ

➔ Thể hiện ước mơ, niềm tin về hình tượng người dũng sĩ luôn gắn gũi với nhân dân lao động, đồng thời là nhân vật thần kì độc đáo.

➔ Tô đậm tính chất kì lạ, đẹp đẽ của nhân vật, báo hiệu lập nhiều chiến công hiển hách.

**b. Sự lớn lên của Gióng**

**\* Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc: “Mẹ mời sứ giả vào đây”**

- Hoàn cảnh: nước bị giặc Ân xâm phạm

- Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn...

- Nguyện vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ.

- Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng.

➔ Chi tiết kì ảo, Gióng là hình ảnh của nhân dân, lúc bình thường thì âm thầm lặng lẽ nhưng khi đất nước gặp nguy biến thì họ sẵn sàng đứng ra cứu nước.

**\* Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt**

➔ Vũ khí lợi hại

+ Để chiến thắng không chỉ cần quyết tâm mà còn cần đến những vũ khí sắc bén.

<p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p> <p>+ GV cho học sinh trả lời câu hỏi nhanh: <b>Theo em, nguyên nhân nào giúp Gióng có chiến công này?</b></p> <p><b>* Nguyên nhân sự chiến thắng của Gióng</b></p> <p>- Người anh hùng Gióng, sự chung sức của nhân dân, vũ khí: hiện đại, thô sơ...</p> <p>+ Sức mạnh của tổ tiên, thần thánh (sự ra đời thần kì)</p> <p>+ Sức mạnh của tập thể, cộng đồng (bà con làng xóm góp gạo nuôi Gióng)</p> <p>+ Sức mạnh của thiên nhiên, văn hóa, kĩ thuật (núi non khắp vùng trung châu, tre và sắt)</p> <p><b>→ Là nhân vật anh hùng thần thoại tiêu biểu cho sức mạnh tiềm tàng của lòng yêu nước quật cường của dân tộc Việt thời đại Hùng Vương</b></p>	<p>+ Muốn có vũ khí tốt nhất, hiện đại nhất thời bấy giờ để tiêu diệt kẻ thù.</p> <p><b>* Bà con góp gạo nuôi Gióng</b></p> <p>- Gióng lớn lên bằng những thức ăn, đồ mặc rất đời thường và bình dị của nhân dân.</p> <p>+ Ai ai cũng mong Gióng lớn nhanh để đánh giặc.</p> <p>+ Gióng được nhân dân đùm bọc, Gióng là con của nhân dân. Sức mạnh dũng sĩ của Gióng được nuôi dưỡng từ những cái bình thường nhất, bằng tinh thần đoàn kết của nhân dân.</p> <p>→ Tinh thần đoàn kết cộng đồng.</p> <p><b>→ Yếu tố tưởng tượng kì ảo, có đan xen chi tiết đời thường</b></p> <p><b>c. Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời</b></p> <p><b>* Chú bé vươn vai trở thành tráng sĩ oai phong lẫm liệt.</b></p> <p>- Lớn nhanh một cách kì diệu trong hoàn cảnh đất nước có giặc xâm lược, (cùng nhân dân đánh giặc giữ nước.)</p> <p>- Gióng vươn vai thành tráng sĩ- sự trưởng thành vượt bậc.</p> <p>- Nhiệm vụ càng nặng nề thì sự lớn lên càng nhanh chóng, kì diệu.</p>
--	--

	<p>→ Thể hiện quan niệm người anh hùng là người khổng lồ với ước mơ có sức mạnh to lớn để chiến thắng giặc ngoại xâm</p> <p><b>* Roi sắt gãy, Gióng nhỏ những bụi tre bên đường đánh giặc.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhảy lên ngựa sắt, ngựa phun lửa lao thẳng đến nơi có giặc.</li> <li>- Roi sắt gãy, nhỏ tre cạnh đường quật vào quân giặc.</li> </ul> <p>→ <i>Gióng đánh giặc bằng cả vũ khí thô sơ, bình thường nhất, tinh thần tiến công mãnh liệt của người anh hùng.</i></p> <p><b>* Tráng sĩ đánh giặc xong, cởi áo giáp sắt bỏ lại và bay về trời.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “Gióng cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời”</li> <li>- Có công nhưng Gióng không màng danh vọng, dấu tích chiến công Gióng để lại cho quê hương</li> </ul> <p>→ <i>Sự bất tử hóa của Thánh Gióng</i></p> <p>→ Hình ảnh Gióng đánh giặc là một bức tranh hoành tráng, kỳ vĩ, ca ngợi sức mạnh của nhân dân trong công cuộc đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p><b>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu vị thần hộ mệnh của sự sống trên Trái Đất</b></p>	<p><b>2. Những chi tiết hoang đường, kì ảo</b></p> <p><b>* Chi tiết hoang đường kì ảo:</b></p>

<p><b>GV tổ chức Hoạt động nhóm</b> GV đặt câu hỏi gợi dẫn HS</p> <p>+ GV yêu cầu Hs tìm những chi tiết hoang đường kì ảo, trong truyện và nêu ý nghĩa?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> - HS trả lời câu hỏi của GV</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> - GV gọi HS nhận xét.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b> GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.</p>	<p>+ Sự ra đời của Gióng: bà mẹ ước vọng con trai, về thụ thai.</p> <p>+ Tiếng nói đầu tiên là đòi đi đánh giặc.</p> <p>+ Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ.</p> <p>+ Tráng sĩ nhỏ tre quật vào lũ giặc</p> <p>+ Đánh giặc xong, cả người và ngựa bay về trời.</p> <p><b>* Ý nghĩa:</b></p> <p>- Tác giả dân gian ca ngợi phẩm chất của Thánh Gióng như có lòng yêu nước, có ý chí, quyết tâm, có sức mạnh. Nhấn mạnh sự ra đời thần kì, chiến công phi thường và hóa thân bất tử của người anh hùng .</p> <p>- Ca ngợi tinh thần yêu nước, đoàn kết của nhân dân và gửi gắm ước mơ về người anh hùng cứu nước.</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p>+ GV hỏi: Câu chuyện trên có thật trong lịch sử không. Nếu có thật thì được xuất hiện trong thời đại nào, ở đâu?</p> <p>+ Những dấu tích lịch sử nào còn sót lại cho đến ngày nay?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> - HS suy nghĩ trả lời</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> - HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p>	<p><b>3. Các chi tiết liên quan đến sự thật lịch sử</b></p> <p><b>* Câu chuyện được đặt trong hoàn cảnh cụ thể:</b></p> <p>- <b>Thời gian:</b> Đời Hùng Vương thứ 6.</p> <p>- <b>Địa điểm:</b> Tại làng Gióng.</p> <p>→ <i>Hoàn cảnh ấy cho biết sự thật lịch sử:</i></p> <p>- Giặc Ân xâm lược nước ta</p> <p>- Người Việt thời bấy giờ đã chế tạo ra vũ khí bằng sắt, thép.</p>

<p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b></p> <p>GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tinh thần đoàn kết, niềm tin vào sự chiến thắng của dân tộc</li> <li>* <b>Những dấu tích còn sót lại</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Đền thờ Phù Đổng Thiên Vương</i></li> <li>- <i>Bụi tre đàng ngà</i></li> <li>- <i>Ao hồ liên tiếp</i></li> <li>- <i>Làng Cháy</i></li> </ul> </li> <li>→ <b>Thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng đánh giặc cứu nước</b></li> <li>* <b>Ý nghĩa:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân dân ta tin rằng Thánh Gióng là người anh hùng có thật, thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng đánh giặc cứu nước.</li> <li>- Tăng tính xác thực cho câu chuyện, tạo niềm tin cho người đọc.</li> </ul> </li> </ul>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> </ul>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi tiết tượng tượng kì ảo.</li> <li>- Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế</li> <li>- Lời kể cô đọng, trang trọng</li> </ul> <p><b>2. Nội dung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trái Đất là cái nôi của sự sống, con người phải biết bảo vệ Trái Đất.</li> <li>- Kêu gọi mọi người lắng nghe, bảo vệ Trái Đất</li> </ul>



<p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	
--	--

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức CHUYỀN MỤC HỎI ĐÁP: Mỗi bạn sẽ đặt ra một câu hỏi cho bạn cùng bàn để kiểm tra xem bạn đã tiếp thu được hết kiến thức bài học hôm nay chưa?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

### Hoạt động 4: Vận dụng

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:

1. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về một hình ảnh hay hành động của Thánh Gióng đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

2. Khi Thánh Gióng ra trận, mẹ đã đến bên ngựa sắt để tạm biệt con. Em hãy đóng vai mẹ Gióng để viết lại cuộc chia tay xúc động ấy. (khoảng 7-10 dòng)

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

## **Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT.....: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- Nhận biết được cấu tạo của từ Hán Việt có yếu tố “giả” nhằm phát triển vốn từ Hán Việt.
- Luyện tập về từ ghép, từ láy, biết phân biệt hai loại từ này.
- HS củng cố kiến thức về cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ, nắm được ý nghĩa của một số cụm động từ, cụm tính từ.
- HS luyện tập về biện pháp so sánh, biết sử dụng trong khi nói và viết.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng biệt

Năng lực nhận diện từ Hán Việt, từ ghép, từ láy và chỉ ra được các từ loại trong văn bản, ....

#### 3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập 2, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

### III. Tiến trình dạy học

## Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*GV tổ chức trò chơi tiếp sức:*

Yêu cầu: ghép những đáp án sau vào bảng để được đáp án đúng

*xâm phạm*

*mặt mũi*

*gom góp*

*các tiếng có quan hệ về mặt ngữ âm.*

*đền đáp*

*lo sợ*

*tài giỏi*

*vội vàng*

*các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.*

*hốt hoảng*

	Từ ghép	Từ láy
Ví dụ cụ thể:		
Cơ sở để xác định: Dựa vào <u>mối quan hệ</u> giữa các tiếng trong từ		

**GV chốt và dẫn vào bài:** Ở Tiểu học, các em đã được học về tiếng và từ. Tuy nhiên để giúp các em có thể hiểu sâu hơn và sử dụng thành thạo hơn từ tiếng Việt, cô sẽ hướng dẫn cả lớp tìm hiểu trong bài Thực hành tiếng Việt.

## Hoạt động 2: Củng cố kiến thức

**a. Mục tiêu:** Ôn lại được các khái niệm, kiến thức về từ và nghĩa của từ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS</b>	<b>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</b>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV tổ chức trò chơi với các câu hỏi trắc nghiệm để thu hút học sinh chú ý vào bài và ôn lại kiến thức</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ; trả lời các câu hỏi</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p><b>I. Nghĩa của từ Hán Việt</b></p> <p><b>Câu 1: Từ là gì?</b></p> <p><b>A. Từ là đơn vị nhỏ nhất để đặt câu</b></p> <p>B. Từ là đơn vị để cấu tạo nên câu</p> <p>C. Từ là chủ ngữ, vị ngữ trong câu</p> <p>D. Từ là phát âm của lời nói</p> <p><b>Câu 2: Từ Hán Việt là từ như thế nào?</b></p> <p><b>A. Là những từ được mượn từ tiếng Hán, trong đó tiếng để cấu tạo từ Hán Việt được gọi là yếu tố Hán Việt</b></p> <p>B. Là những từ được mượn từ tiếng Hán</p> <p>C. Cả A và B đều đúng</p> <p>D. Cả A và B đều sai</p> <p><b>Câu 3: Từ nào trong các câu sau đây có sử dụng yếu tố Hán Việt: “Xã tắc hai phen chôn ngựa đá Non sông nghìn thuở vững âu vàng”</b></p> <p>A. Âu vàng</p> <p><b>C. Xã tắc</b></p> <p>B. Ngựa đá</p> <p>D. Cả A và C</p> <p><b>Câu 4: Nghĩa của từ “tân binh” là gì</b></p> <p>A. Binh khí mới</p> <p>B. Vũ khí mới</p>

**D. Người lính mới**

C. Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Câu 5: Xét về đặc điểm cấu tạo, từ được chia thành mấy loại?**

A. 2 loại: Từ đơn, từ ghép

B. 2 loại: Từ ghép, từ láy

C. 2 loại: Từ ghép, từ phức

**D. 2 loại: Từ đơn, từ phức**

**Câu 6: Từ phức được chia thành mấy loại. Kể tên.**

A. 3 loại: Từ đơn, từ láy, từ ghép

B. 3 loại: từ láy, từ phức, từ đơn

**C. 2 loại: Từ láy, từ ghép**

D. 2 loại: Từ đơn, từ ghép

**Câu 7: Từ ghép là gì?**

**A. Là những từ được cấu tạo bằng cách ghép 2 hoặc hơn 2 tiếng lại với nhau. Các từ có mối quan hệ về nghĩa**

B. Từ ghép bao gồm từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ

C. Là ghép những từ có nghĩa lại với nhau

D. Là từ chỉ tính chất, hoạt động, trạng thái của con người

**Câu 8: Từ láy là gì?**

A. Từ láy là những từ có tiếng được ghép lại với nhau

	<p>B. Từ láy là những từ có sự đối xứng âm với nhau</p> <p>C. Là những từ được cấu tạo bằng cách ghép 2 hoặc hơn 2 tiếng lại với nhau. Các từ có mối quan hệ về nghĩa</p> <p><b>D. Từ láy là những từ có các tiếng lặp lại hoàn toàn, một số trường hợp tiếng đứng trước biến đổi thanh điệu, giống nhau phần phụ âm đầu hoặc phần vần</b></p>
--	--

### Hoạt động 3: Luyện tập

- a. Mục tiêu:** Áp dụng được lí thuyết để thực hành làm bài tập
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Thao tác 1: bài tập 1</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, làm các bài tập 1</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ;</li> <li>- Dự kiến sản phẩm:</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi;</li> </ul>	<p><b>Bài tập 1</b></p> <p>* Từ có yếu tố <i>giả</i> được dùng theo nghĩa <i>kẻ, người</i>: Kí giả, soạn giả, tác giả, thính giả, độc giả, khán giả, sứ giả, ...</p> <p>* <i>Giải nghĩa từ đó</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tác giả: Người tạo ra tác phẩm, sản phẩm văn học</li> <li>- Độc giả: Người đọc, người thưởng thức các tác phẩm văn học.</li> <li>- Soạn giả: Người biên soạn.</li> </ul>

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  
➔ Ghi lên bảng.

**Thao tác 2: Bài tập 3**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 3 SGK

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức

**Thao tác 3: Bài tập thảo luận**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Thính giả: Người nghe (người nghe đài)

- Khán giả: Người xem

- Học giả: Người chuyên làm công tác nghiên cứu và có tri thức khoa học sâu rộng một lĩnh vực nào đó...

**Bài tập 3**

- **Cụm động từ:** xâm phạm bờ cõi, cắt tiếng nói, lớn nhanh như thổi, chạy nhờ.

- **Cụm tính từ:** chăm làm ăn.

**Đặt câu:**

- Giặc Ân đang *xâm phạm bờ cõi* của nước ta

- Gia đình bạn Nam *chăm* làm ăn nên có chút dư giả

**Bài tập thảo luận**

\* **Nhiệm vụ 1:**



- GV tổ chức hoạt động nhóm  
 + Chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành 4 nhiệm vụ/ 4 câu hỏi sau:

**NV1.** Giải thích nghĩa của các cụm từ : *lớn nhanh như thổi, chết như ngã rạ*

**NV2.** Tìm ra BPTT được sử dụng trong cụm từ vừa trên.

**NV3.** Vận dụng biện pháp tu từ này để nói về một sự vật hoặc hoạt động được kể trong truyện Thánh Gióng.

**NV4.** Phân tích câu vừa đặt được theo bảng mẫu dưới đây và nhận xét đó là kiểu so sánh gì?

+ Thời gian: 5 phút

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS báo cáo sản phẩm nhóm

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức

+ *lớn nhanh như thổi*: lớn lên nhanh, ngay tức thì y như người ta thổi hơi vào quả bóng.

+ *chết như ngã rạ*: chết hàng loạt, xác nằm ngổn ngang, la liệt khắp mặt đất như người ta cắt rạ phơi ra ruộng

**\* Nhiệm vụ 2:**

**BPTT so sánh**

**\* Nhiệm vụ 3:**

Ví dụ mẫu:

+ Giặc Ân chết như ngã rạ.

+ Thánh Gióng lớn nhanh như thổi.

Vế A (sự vật được so sánh)	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B (sự vật dùng để làm chuẩn so sánh)
Giặc Ân	Chết	như	Ngã rạ
Thánh Gióng	Lớn nhanh	như	Thổi

#### Hoạt động 4: Vận dụng

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS:* Vận dụng kiến thức đã học. Viết một đoạn văn về đề tài tự do, có sử dụng 3 từ Hán Việt.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT.....: SƠN TINH, THỦY TINH

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- Yếu tố truyền thuyết được thể hiện trong văn bản “Sơn Tinh, Thủy Tinh”.
- Vua Hùng kén rể trong hoàn cảnh nào? Mục đích của việc kén rể? Hệ quả và giải pháp?
- Cuộc giao chiến của hai vị thần và ý nghĩa của hình tượng Sơn Tinh, Thủy Tinh.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng:

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên sức hấp dẫn của truyện truyền thuyết: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo
- Phân tích được nghệ thuật sử dụng các yếu tố hoang đường, mối quan hệ giữa các yếu tố hoang đường với sự thực lịch sử.
- Nhận biết, phân tích các chi tiết, sự kiện, ngôn ngữ, hành động của nhân vật trong văn bản. Từ đó đưa ra đánh giá về nội dung và nghệ thuật

#### 3. Phẩm chất:

Bài học góp phần phát triển phẩm chất: Tôn trọng, tự hào về lịch sử dân tộc, tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** Xem hình ảnh và trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

GV cho HS xem video, hình ảnh về lũ lụt miền trung và đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài.



1. Những hình ảnh trên cho em suy nghĩ về hiện tượng gì?

2. Lí giải quá trình hình thành hiện tượng đó?

**GV dẫn vào bài:** Đọc dải đất hình chữ S, bên bờ biển Đông, Thái Bình Dương, nhân dân Việt Nam hàng năm phải đối mặt với mùa mưa bão, lũ lụt như là thủy – hỏa – đao – tặc hung dữ, khủng khiếp. Để tồn tại, chúng ta phải tìm mọi cách

*chiến đấu và chiến thắng hoặc chung sống giặc nước. Cuộc chiến đấu trường kì, gian truân ấy đã được thần thoại hóa trong truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh:*

*Núi cao, sông hãy còn dài*

*Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen*

### **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

#### **Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được những chi tiết, sự việc chính trong tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS</b>	<b>DỰ KIẾN SẢN PHẨM</b>
<p><b>Thao tác 1: đọc- chú thích</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp</li> <li>- Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS theo dõi sgk</li> <li>- GV quan sát, hỗ trợ</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p>	<p><b>I. Đọc- Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Đọc- chú thích</b></p> <p><b>a. Đọc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 bạn đọc trước lớp</li> <li>- Đọc diễn cảm, lưu loát, ngắt nghỉ đúng; chú ý lời đối thoại của các nhân vật.</li> </ul> <p><b>b. Chú thích</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Cầu hôn:</b> xin được lấy làm vợ</li> <li>- <b>Lạc hậu:</b> quan văn giúp việc cho vua Hùng</li> <li>- <b>Phán (bề trên):</b> nói với bề dưới</li> <li>- <b>Sính lễ:</b> lễ vật nhà trai đem đến nhà gái để xin cưới</li> <li>- <b>Ván:</b> tấm gỗ phẳng và mỏng</li> <li>- <b>Nệp:</b> đồ được dựng bằng tre, nứa, dùng để dựng</li> </ul>

- GV nhận xét, đánh giá

## Thao tác 2: Tìm hiểu về tác phẩm

### Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS tìm hiểu các yếu tố:

+ Tác phẩm: thể loại, xuất xứ, PTBĐ, ngôi kể, nhân vật chính...

+ Để tìm hiểu sự kiện chính, GV tổ chức cho HS hoàn thành nhiệm vụ sau: Hãy tóm lược cốt truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh theo chuỗi quan hệ nguyên nhân- kết quả và thể hiện chuỗi quan hệ đó theo mẫu sau:



- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

### Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

### Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- **Hồng mao:** lông màu hồng

- **Nao núng:** dao động, lung lay

## 2. Tìm hiểu chung

- **Thể loại:** truyền thuyết

- **Xuất xứ:** Nguyễn Nhược Pháp, Sơn Tinh, Thủy Tinh, trích trong tập Ngày xưa, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996

- **Ngôi kể:** ngôi thứ 3

- **PTBĐ:** tự sự

- **Bố cục:** 3 phần

+ **Phần 1:** Từ đầu đến “mỗi thứ một đôi”

➔ Hùng Vương thứ mười tám kén rể cho con gái.

+ **Phần 2:** Tiếp đến “đành rút quân”

➔ Cuộc giao đấu của hai vị thần.

+ **Phần 3:** Phần còn lại

➔ Lí giải về hiện tượng mưa lũ hàng năm

- **Tóm tắt:**

+ Vua Hùng tổ chức kén rể

+ Hai chàng trai tài giỏi cùng đến thi tài, không ai chịu thua ai.

+ Vua Hùng ra điều kiện ai mang sình lễ đến trước thì gả con gái cho

+ Sơn Tinh đến trước, lấy được vợ

+ Thủy Tinh đến sau, tức giận, dâng nước đánh Sơn Tinh

<p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p>+ Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua, rút về.</p> <p>+ Hàng năm, Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua.</p>
---	---

## Hoạt động 2: Khám phá văn bản


### a. Mục tiêu:

- Phân tích được hoàn cảnh, mục đích, hình thức của việc vua Hùng kén rể.
- Phân tích được sự xuất hiện, tài năng, cuộc giao chiến của nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh
- Phân tích được yếu tố hoang đường kì ảo và sự thật lịch sử

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.



**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

### d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV tổ chức kĩ thuật khăn trải bàn để tìm hiểu nội dung: Vua hùng kén rể</p>  <p>- <b>Hình thức:</b> chia lớp làm 4 nhóm</p> <p>- <b>Thời gian:</b> 5 phút, cử đại diện nhóm lên báo cáo</p>	<p><b>II. Khám phá văn bản</b></p> <p><b>1. Vua Hùng kén rể</b></p> <p>- <b>Hoàn cảnh của việc kén rể:</b></p> <p>+ Vua Hùng có một người con gái tên là Mị Nương</p> <p>+ Mị Nương người đẹp như hoa, tính nết dịu hiền</p> <p>+ Vua Hùng rất mực yêu thương con</p> <p>- <b>Mục đích:</b> muốn chọn cho con một người chồng xứng đáng</p> <p>➔ <i>Việc chọn dâu, kén rể là một mô típ mang tính truyền thống trong truyền thuyết và cổ tích</i></p> <p>- <b>Hệ quả:</b> Hai chàng trai cùng đến cầu hôn</p>

<p><b>Yêu cầu:</b> Tìm hiểu về câu chuyện vua Hùng kén rể</p> <p>+ Hoàn cảnh của việc kén rể:</p> <p>+ Mục đích:</p> <p>+ Hệ quả:</p> <p>+ Giải pháp:</p> <p>+ Nhận xét:</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thảo luận nhóm</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS báo cáo sản phẩm nhóm</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p>- <b>Giải pháp:</b> thi tài dâng lễ vật sớm, trong 1 ngày ai mang lễ vật đến trước thì được chọn</p> <p>* <b>Lễ vật:</b> “100 ván com nếp, 100 nệp bánh chưng, voi 9 ngà, gà 9 cựa, ngựa 9 hồng mao”</p> <p>➔ Lễ vật có lợi cho Sơn Tinh vì đó là những sản phẩm của rừng núi, nơi Sơn Tinh cai quản. Vì Vua Hùng nhận ra tài năng và tin tưởng Sơn Tinh có thể bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân</p>									
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p><b>Gv chia 2 nhóm hoàn thành phiếu học tập</b></p> <p>+ <i>Nhóm 1,2: tìm hiểu nguồn gốc, tài năng nhân vật Sơn Tinh</i></p> <p>+ <i>Nhóm 3,4: tìm hiểu nguồn gốc, tài năng nhân vật Thủy Tinh</i></p> <p><b>Thời gian: 3 phút</b></p>	<p><b>2. Sự xuất hiện và tài năng của Sơn Tinh, Thủy Tinh</b></p> <table border="1" data-bbox="740 1473 1394 1926"> <thead> <tr> <th>P/diện ss</th> <th>Sơn Tinh</th> <th>Thủy Tinh</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nguồn gốc</td> <td>- Chúa vùng non cao.</td> <td>- Chúa vùng nước thấp.</td> </tr> <tr> <td>Tài năng</td> <td>- Vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi.</td> <td>- Gọi gió đến. - Hô mưa, mưa về.</td> </tr> </tbody> </table>	P/diện ss	Sơn Tinh	Thủy Tinh	Nguồn gốc	- Chúa vùng non cao.	- Chúa vùng nước thấp.	Tài năng	- Vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi.	- Gọi gió đến. - Hô mưa, mưa về.
P/diện ss	Sơn Tinh	Thủy Tinh								
Nguồn gốc	- Chúa vùng non cao.	- Chúa vùng nước thấp.								
Tài năng	- Vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi.	- Gọi gió đến. - Hô mưa, mưa về.								



<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Nhóm:      Lớp:</p> <p><b>Nhân vật Sơn Tinh</b></p>  <p>Nguồn gốc</p> <p>Tài năng</p> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Nhóm:      Lớp:</p> <p><b>Nhân vật Thủy Tinh</b></p>  <p>Nguồn gốc</p> <p>Tài năng</p> </div> </div> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thảo luận nhóm và hoàn thành PHT</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện một bạn trong nhóm lên trình bày sản phẩm của nhóm.</li> <li>- Các nhóm còn lại nhận xét, góp ý, bổ sung cho nhóm bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b></p> <p>GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.</p>	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%;"></td> <td style="width: 60%;">- Vẫy tay về phía tây, phía tây mọc dãy núi đồi.</td> <td style="width: 20%;"></td> </tr> <tr> <td style="vertical-align: top;">Nhận xét</td> <td>→ Ngang tài ngang sức. Tài năng của Sơn Tinh mang tính phát triển, tài năng của Thủy Tinh mang sự huỷ diệt (bão, lũ lụt).</td> <td></td> </tr> </table>		- Vẫy tay về phía tây, phía tây mọc dãy núi đồi.		Nhận xét	→ Ngang tài ngang sức. Tài năng của Sơn Tinh mang tính phát triển, tài năng của Thủy Tinh mang sự huỷ diệt (bão, lũ lụt).	
	- Vẫy tay về phía tây, phía tây mọc dãy núi đồi.						
Nhận xét	→ Ngang tài ngang sức. Tài năng của Sơn Tinh mang tính phát triển, tài năng của Thủy Tinh mang sự huỷ diệt (bão, lũ lụt).						
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p><b>GV đặt câu hỏi gợi dẫn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên nhân nào dẫn đến cuộc giao chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh?</li> <li>- Diễn biến cuộc giao chiến như thế nào?</li> <li>- Kết quả ra sao?</li> <li>- Em có nhận xét gì về cuộc giao chiến giữa 2 nhân vật? ý nghĩa của cuộc giao tranh?</li> </ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS suy nghĩ trả lời</li> </ul>	<p><b>3. Cuộc giao chiến giữa Sơn Tinh, Thủy Tinh</b></p> <p><b>a. Nguyên nhân:</b> Thủy Tinh đến sau không lấy được vợ → đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương.</p> <p><b>b. Diễn biến:</b></p> <p><b>* Thủy Tinh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hô mưa, gọi gió, làm giông bão, rung chuyển cả đất trời/ Dâng nước đánh Sơn Tinh.</li> <li>- Nước ngập ruộng đồng, tràn nhà cửa, thành Phong Châu nổi lênh bênh trên biển nước.</li> </ul>						

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS báo cáo kết quả, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức.

**\* Sơn Tinh**

- Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất ngăn chặn dòng nước lũ .

- Nước dâng cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu

**c. Kết quả:**

Thủy Tinh đã mệt mà Sơn Tinh vẫn vững vàng, Thủy Tinh đành rút quân về → Hàng năm dâng nước đánh Sơn Tinh.

**Nhận xét:** Thể hiện ước mơ, khát vọng nhân dân sẽ chế ngự được thiên nhiên. Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm ở miền Bắc nước ta.

**\* Ý nghĩa**

- Hai nhân vật đều là tưởng tượng, hư cấu, mang ý nghĩa biểu trưng:

+ Thủy Tinh là biểu trưng cho sức mạnh của nước, lũ lụt được hình tượng hóa.

+ Sơn Tinh biểu trưng cho đất, cho núi, là sức mạnh, khả năng, ước mơ của nhân dân được hình tượng hóa.

+ Chiến thắng của Sơn Tinh là chiến thắng của cộng đồng, của nhân dân.

+ Khẳng định, ngợi ca quyết tâm, sức mạnh, ước mơ của nhân dân ta trong việc đắp đê ngăn lũ ở lưu vực sông Đà, sông Hồng để bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của nhân dân

	+ Sơn Tinh là người anh hùng của nhân dân.
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b>  <b>GV đặt câu hỏi gợi dẫn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm những yếu tố hoang đường, kì ảo có trong truyện và nêu ý nghĩa?</li> <li>- Theo em, trong văn bản có nói đến sự thật lịch sử nào không? Trình bày yếu tố sự thật lịch sử đó?</li> </ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS suy nghĩ trả lời</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS báo cáo kết quả, nhận xét.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b>  GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức.</p>	<p><b>4. Yếu tố hoang đường kì ảo và sự thật lịch sử</b></p> <p><b>a. Yếu tố hoang đường kì ảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi tiết kể về tài năng của Sơn Tinh, Thủy Tinh.</li> <li>+ Sơn Tinh: “Vẫy tay về phía đông...mọc lên tung dãy núi đồi”.</li> <li>+ Thủy Tinh: “hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão”.</li> <li>- Chi tiết về lễ vật thách cưới của vua Hùng.</li> <li>- Chi tiết chống trả của Sơn Tinh: “Bóc từng quả đồi, dời từng dãy núi”; “Nước cao lên bao nhiêu thì đồi núi cao lên bấy nhiêu”</li> </ul> <p><b>- Ý nghĩa</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhấn mạnh tài năng của hai vị thần. Đặc biệt, ca ngợi tài năng, sức mạnh, ý chí của người anh hùng Sơn Tinh trong việc chống lũ lụt.</li> <li>+ Thể hiện ước mơ của nhân dân trong việc chế ngự thiên tai, bảo vệ cuộc sống.</li> </ul> <p><b>b, Sự thật lịch sử</b></p> <p><b>* Bối cảnh lịch sử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: thời Hùng Vương thứ mười tám.</li> <li>- Địa danh cụ thể, xác định: được nhắc đến Thành Phong Châu xưa nơi vua Hùng đóng đô; Sơn Tinh chính là thần núi Tản Viên</li> </ul>

	<p>(Ba Vì) địa bàn sinh sống của người Việt cổ.</p> <p>- Nhân dân ta từ xưa có nghề trồng lúa nước, thường xuyên phải chống lũ lụt vào tháng 7,8.</p> <p>➔ Làm cho câu chuyện được kể tăng thêm tính xác thực, tạo niềm tin thiêng liêng cho mọi người</p> <p><b>* Giải thích hiện tượng thiên nhiên</b></p> <p>- Do oán nặng thù sâu mà hàng năm Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh, khiến cho nước ngập khắp mọi nơi, gây ra lũ lụt.</p> <p>Nghệ thuật: Lấy chuyện có thật (hiện tượng lũ lụt vào tháng 7,8) để lồng trong lời kể.</p> <p>➔ Tô đậm tính xác thực, đưa người đọc từ thế giới hư cấu mơ hồ trở về đời sống thực, nhắc nhở về những hiện tượng thường diễn ra, để trân quý công lao của cha ông.</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật</b></p> <p>- Các sự việc được kết nối với nhau bằng chuỗi quan hệ nguyên nhân- kết quả.</p> <p>- Có nhiều chi tiết hoang đường kì ảo, xây dựng bằng trí tưởng tượng .</p> <p><b>2. Nội dung</b></p> <p>- Khẳng định, ngợi ca quyết tâm, sức mạnh, ước mơ của nhân dân ta trong việc đắp đê ngăn lũ ở lưu vực sông Đà, sông Hồng để</p>

<p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p> <p>GV tổ chức hoạt động mở rộng:</p> <p style="text-align: center;"><b>PHIÊN TÒA XÉT XỬ</b></p> <p>NGUYÊN NHÂN LŨ LỤT LÀ DO AI?</p> <p>(Thủy Tinh hay con người)</p>	<p>bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của nhân dân.</p> <p>- Giải thích hiện tượng thiên nhiên thời tiết mưa gió vào tháng 7,8 hàng năm.</p>
---	--

### **Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi **VÒNG QUAY MAY MẮN**

**1. Thời gian diễn ra truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh vào thời đại nào của lịch sử dân tộc**

**A. Thời Văn Lang- Âu Lạc**

B. Thời nhà Lí

C. Thời nhà Trần

D. Thời nhà Nguyễn

**2. Cuộc chiến tranh giữa Sơn Tinh- Thủy Tinh có nguyên nhân chính từ đâu?**

A. Hùng Vương kén rể

B. Hùng Vương đưa ra yêu cầu về lễ vật có lợi cho Sơn Tinh

C. Sơn Tinh tài giỏi hơn Thủy Tinh

**D. Vì Sơn Tinh lấy được Mị Nương, còn Thủy Tinh thì không**

**3. Nội dung chủ yếu nổi bật trong truyện Sơn Tinh- Thủy Tinh là gì?**

**A. Hiện thực cuộc đấu tranh trình phục thiên nhiên của tổ tiên ta**

B. Cuộc chiến tranh chấp nguồn nước, đất đai, lãnh thổ

C. Cuộc chiến tranh chấp người phụ nữ

D. Sự ngưỡng mộ với Sơn Tinh, căm ghét với Thủy Tinh

**4. Nhân vật chính trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh là ai?**

A. Mị Nương

**B. Sơn Tinh- Thủy Tinh.**

C. Vua Hùng

D. Cả 4 nhân vật trên

**5. Trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh, Vua Hùng đã kén rể cho con bằng cách nào?**

A. Tổ chức thi tài võ nghệ, ai thắng sẽ được cưới Mị Nương

B. Ai dâng nhiều lễ vật ngon hơn thì được cưới Mị Nương

**C. Quy định thời gian đem lễ vật, ai đến trước sẽ được cưới Mị Nương**

D. Ai chứng tỏ được lòng chung thực, khéo léo, chăm chỉ lao động sẽ cưới được Mị Nương

**6. Chi tiết nào trong truyện Sơn Tinh- Thủy Tinh không mang yếu tố kì ảo?**

A. Sơn Tinh có tài rời non, lấp bể

B. Sơn Tinh và Thủy Tinh đánh nhau ròng rã mấy tháng trời

C. Thủy Tinh có tài hô mưa, gọi gió

**D. Hàng năm, nước ta thường xuyên có những trận lụt lớn**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

#### **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS:* “NỖI OAN ĐẾN NGÀN ĐỜI” : thiên tai lũ lụt do tôi đánh ghen hay do cách bạn đối xử với thiên nhiên. Em hãy nhập vai Thủy Tinh để minh oan cho chính mình.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT.....: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- Nhận biết được cấu tạo của dấu chấm phẩy: vị trí, công dụng
- HS luyện tập về dấu chấm phẩy, biết sử dụng trong khi tạo lập văn bản.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng biệt

Năng lực nhận diện dấu chấm phẩy, vận dụng trong tạo lập văn bản.

#### 3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập 2, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.



**d. Tổ chức thực hiện:**

GV tổ chức trò chơi **AI NHANH HƠN**: Điền thông tin vào chỗ trống.



Cảm ơn các bạn dấu câu  
Không là chữ cái nhưng đâu bé người  
**Dấu phẩy** ..... thường thấy ai ơi  
Tách biệt từng ý đọc thời ngắt ra  
**Dấu chấm** ..... trọn vẹn câu mà  
Không biết dùng sẽ dây cà, dây khoai.  
**Chấm phẩy** ..... phân cách làm hai  
Sau bỏ sung trước mới tài làm sao  
**Chấm than** ..... tình cảm dạt dào  
Khiến sai, đề nghị lẽ nào làm ngơ  
**Chấm hỏi** ..... giới đến bất ngờ  
Hỏi ai hay chính thần thờ hỏi ta

GV chốt và dẫn vào bài: .....

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

- a. **Mục tiêu:** Xác định được vị trí và công dụng của dấu chấm phẩy.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

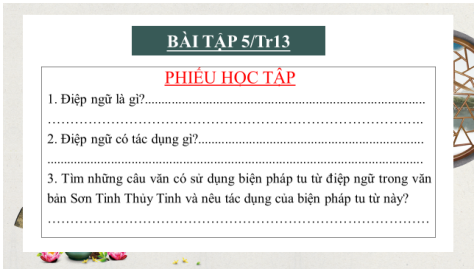
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>Nhiệm vụ 1: Tìm dấu chấm phẩy, nêu công dụng và vị trí của chúng trong câu.</b></p> <p>GV: tổ chức hoạt động nhóm</p> <p>+ Nhóm 1,2 ví dụ 1</p> <p>+ Nhóm 3,4 ví dụ 2</p> <p>Qua 2 ví dụ trên em hãy cho biết dấu chấm phẩy có vị trí như thế nào trong câu, công dụng của dấu chấm phẩy là gì?</p>	<p><b>I. Hình thành kiến thức</b></p> <p><b>1. Tìm hiểu về dấu chấm phẩy</b></p> <p><b>Ví dụ 1:</b> Ánh nắng vào buổi sáng rất đẹp và ấm áp, làm cho bầu trời cũng trở nên trong xanh và đẹp đến kì lạ; nhưng vào buổi trưa, ánh nắng dường như gắt hơn, khó chịu hơn.</p> <p>- <b>Số lượng:</b> có 1 dấu chấm phẩy</p> <p>- <b>Vị trí:</b> đứng ở giữa câu</p> <p>- <b>Công dụng:</b> ngăn cách vế trước và vế sau của câu ghép, mang tính liệt kê</p>

<p><b>Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu những lưu ý khi sử dụng dấu chấm phẩy</b></p> <p>Theo em, chúng ta cần phải lưu ý những điều gì khi sử dụng dấu chấm phẩy?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ; trả lời các câu hỏi</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>- GV tổ chức <b>hoạt động nhóm</b>: Phân biệt công dụng của dấu phẩy và dấu chấm phẩy</p>	<p><b>Ví dụ 2:</b> Ăn bố mẹ tấp nập đi, về, mãi một móm cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én ra ràng chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá.</p> <p>- <b>Số lượng:</b> có 2 dấu chấm phẩy</p> <p>- <b>Vị trí:</b> đứng ở giữa câu</p> <p>- <b>Công dụng:</b> ngăn cách vế trước và vế sau của câu ghép, mang tính liệt kê</p> <p><b>Kết luận:</b></p> <p>- Vị trí: đứng ở giữa câu (cuối vế câu)</p> <p>- Công dụng: Dùng để ngắt các thành phần lớn (vế câu) trong một câu ghép.</p> <p>+ Các vế có mối quan hệ đồng đẳng</p> <p>+ Mang tính liệt kê</p> <p><b>2. Lưu ý khi sử dụng dấu chấm phẩy</b></p> <p>Sau dấu chấm phẩy, ta không cần viết hoa chữ cái đầu dòng nếu từ đó không phải là danh từ riêng</p>
--	--

### Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** Áp dụng được lí thuyết để thực hành làm bài tập
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM												
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>Nhiệm vụ 1:</b> GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, làm các bài tập 1,3</p> <p><b>Nhiệm vụ 2:</b> GV tổ chức thảo luận nhóm hoàn thành PHT sau (bài tập 5)</p>  <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và thảo luận</b></p> <p>- HS hoàn thành bài tập</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p><b>BÀI TẬP 1</b></p> <p>- Các câu có sử dụng dấu chấm phẩy là:</p> <p>+ Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.</p> <p>+ Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về.</p> <p>- Tác dụng: Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của phép liệt kê phức tạp (liệt kê của từng tài năng của Sơn Tinh và Thủy Tinh)</p> <p><b>BÀI TẬP 3</b></p> <table border="1" data-bbox="774 1220 1332 2004"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Yếu tố HV A</th> <th>Từ HV thủy+A</th> <th>Nghĩa của từ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>3</td> <td>Thủy</td> <td>Thủy chiến</td> <td>Cuộc giao tranh dưới nước.</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Phủ</td> <td>Thủy phủ</td> <td>Dinh thự ở dưới nước, nơi ở của thủy thần.</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Yếu tố HV A	Từ HV thủy+A	Nghĩa của từ	3	Thủy	Thủy chiến	Cuộc giao tranh dưới nước.	4	Phủ	Thủy phủ	Dinh thự ở dưới nước, nơi ở của thủy thần.
STT	Yếu tố HV A	Từ HV thủy+A	Nghĩa của từ										
3	Thủy	Thủy chiến	Cuộc giao tranh dưới nước.										
4	Phủ	Thủy phủ	Dinh thự ở dưới nước, nơi ở của thủy thần.										

5	Cung	Thủy cung	Cung điện tượng tượng ở dưới nước, theo truyền thuyết.
---	------	--------------	--

## **BÀI TẬP 5**

### **1. Điệp ngữ là gì?**

- Điệp ngữ là một biện pháp tu từ chỉ việc lặp đi, lặp lại một từ hoặc một cụm từ lần nhiều trong 1 câu.

### **2. Điệp ngữ có tác dụng gì?**

- BPTT điệp ngữ dùng để liệt kê, nhấn mạnh, gây ấn tượng với người đọc, người nghe.

### **3. Tìm những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ trong văn bản Sơn Tinh Thủy Tinh và nêu tác dụng của biện pháp tu từ này?**

→ “*Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể Vua Hùng*”.

→ Điệp ngữ “*một người là*” nhấn mạnh sự ngang tài ngang sức, mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thủy Tinh.

	<p>→ “<i>Một người ở vùng núi Tản Viên, có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. ... Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về.</i>”</p> <p>→ Điệp ngữ “<i>một người ở...</i>”, “<i>vẫy tay về phía...</i>”, ...nhằm liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh và Thủy Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu nghiệm tức thì.</p> <p>“<i>Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lênh bênh trên một biển nước.</i>”</p> <p>→ Điệp từ “<i>nước...</i>” nhằm liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh, sự tức giận của Thủy Tinh.</p>
--	---

#### **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi **ĐIỀU ƯỚC TẶNG CÔ**

**1. “Hô mưa gọi gió” có nghĩa là gì?**

Người có sức mạnh siêu nhiên, có thể làm được những điều kỳ diệu, to lớn

**2. “Oán nặng thù sâu” có nghĩa là gì?**

*Sự hận thù sâu sắc, khắc cốt ghi tâm, ghi nhớ ở trong lòng, không bao giờ quên được.*

**3. Em hãy tìm thêm một số thành ngữ được tạo nên bằng cách tương tự câu “hồ mưa gọi gió, oán nặng thù sâu”**

*“Chân cứng đá mềm”*

*“Tích tiểu thành đại”*

*“Một nắng hai sương”*

*“Dầm mưa dãi nắng”*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT.....: AI OI MÔNG 9 THÁNG 4

- Anh Thư-

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- HS nhận biết được văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trình tự thời gian.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

#### 3. Phẩm chất:

Giúp học sinh có được những phẩm chất tốt đẹp: nhớ ơn, tự hào về truyền thống của lịch sử dân tộc.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**GV chiếu câu thơ và đặt câu hỏi:** Những câu thơ và hình ảnh trên nhắc em gợi nhớ đến nhân vật lịch sử nào? Cảm nhận của em về nhân vật đó.

*Nhớ xưa đang thuở triều Hùng  
Vũ Ninh nổi đám bụi hồng nẻo xa  
Trời thương Bách Việt sơn hà  
Trong nơi thảo莽 nảy ra kỳ tài  
Lên ba đang tuổi anh hài  
Roi vàng ngựa sắt ra oai trận tiền  
Một phen khói lửa dẹp yên  
Sóc Sơn nhẹ bước thần tiên lên trời*

**GV dẫn vào bài:** Từ truyền thuyết Thánh Gióng, nhân dân ta tổ chức hội Gióng nhằm nhớ ơn công lao của Gióng và cũng để nhắc nhở con cháu mai sau về truyền thống đấu tranh hào hùng, tinh thần yêu nước trong lịch sử dân tộc. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.



c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Thao tác 1: đọc- chú thích</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp</li><li>- Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.</li><li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li></ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li></ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS theo dõi sgk</li><li>- GV quan sát, hỗ trợ</li></ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV nhận xét, đánh giá</li></ul>	<p><b>I. Đọc- Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Đọc- chú thích</b></p> <p><b>a. Đọc</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV gọi 1 bạn đọc trước lớp</li><li>- Đọc lưu loát, rành mạch, ngắt nghỉ đúng.</li></ul> <p><b>b. Chú thích</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Kẻ chợ:</b> từ cổ, chỉ nơi đô thị đông đúc, thường là kinh đô.</li><li>- <b>Ngạn ngữ:</b> lời nói hay, có ý nghĩa sâu sắc từ xa xưa truyền lại.</li><li>- <b>Phỗng:</b> tượng người đứng hầu tại một số nơi thờ tự</li><li>- <b>Thủy đình:</b> đình được xây trên mặt nước.</li><li>- <b>Phù giá:</b> những người đi theo kiệu thờ để bảo vệ.</li><li>- <b>Xà cạp:</b> dải vải dài quấn quanh ống chân hoặc ngoài ống quần để bảo vệ chân.</li><li>- <b>Roi rồng:</b> roi được làm như hình con rồng</li><li>- <b>Mục đồng:</b> trẻ chăn trâu, chăn bò</li><li>- <b>Tiểu cổ:</b> cái trống con</li></ul>

**Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS tìm hiểu những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

- **Lĩnh xướng:** hát đơn ca một câu, một đoạn trước hoặc sau phần hát của tập thể

- **Hiệu cờ:** người cầm cờ, múa cờ chỉ huy

**2. Tìm hiểu chung**

- **Tác giả:** Anh Thư

- **Thể loại:** thuyết minh

+ **Sự kiện được thuật lại:** lễ hội Gióng hay còn gọi là hội làng Phù Đổng.

+ **Các yếu tố nhận biết:**

- Cung cấp thông tin chính xác về thời gian, địa điểm, diễn biến của hội, ý nghĩa của hội Gióng.
- Trình bày sự việc theo trình tự thời gian.

+ **Ngôi tường thuật:** ngôi thứ 3

- **Xuất xứ:** Theo Báo điện tử Hà Nội mới, ngày 07/4/2004

- **Bố cục:** 3 phần

+ **Phần 1: Từ đầu đến “đồng bằng Bắc Bộ”:**

→ Giới thiệu về hội Gióng

+ **Phần 2: Tiếp đến “viên hầu cận”**

→ Tiến trình của hội Gióng

+ **Phần 3: Đoạn còn lại**

→ Ý nghĩa của hội Gióng

- **Tóm tắt:**

Lễ hội Gióng hay hội làng Phù Đổng là một trong những lễ hội lớn nhất ở khu

	<p>vực đồng bằng Bắc Bộ. Lễ hội này diễn ra trên một khu vực lớn, xung quanh những vết tích của Thánh tại quê hương đó là: Cột Viên, Miếu Ban, đền Mẫu, đền Thượng. Thời gian chuẩn bị cho lễ hội là từ mùng 1 tháng 3 đến mùng 5 tháng 4 âm lịch, hội bắt đầu từ mùng 6. Dân làng tổ chức lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay lên đường Thượng, rước nước từ đền Hạ về đền Thượng. Ở đây còn diễn ra hoạt động: hát thờ, hội trận, đánh cờ người. Văn hội vào mùng 10 có lễ duyệt quân, tạ ơn thánh. Ngày 11 làm lễ rửa khí giới và ngày 12 làm lễ rước cờ. Lễ hội Gióng là một tài sản vô giá lưu truyền mãi về sau</p>
--	---

## Hoạt động 2: Khám phá văn bản

### a. Mục tiêu:

- Giới thiệu được hội Gióng
- Phân tích được tiến trình diễn ra hội Gióng và ý nghĩa của hội Gióng

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

### d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV tổ chức hoạt động: <b>HỌC NHANH NHỚ LÂU</b></p>	<p><b>II. Khám phá văn bản</b></p> <p><b>1. Giới thiệu về hội Gióng</b></p> <p>- <b>Tên:</b> lễ hội Gióng (hội làng Phù Đổng)</p> <p>- <b>Thời gian:</b> 9/4 âm lịch</p>

<p>Tìm những thông tin về sự kiện: tên, thời gian, địa điểm, bối cảnh, tính chất...</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS báo cáo sản phẩm</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bối cảnh:</b> có mưa, mưa dông.</li> <li>- <b>Địa điểm:</b> xã Phù Đổng - Gia Lâm - Hà Nội</li> <li>- <b>Tính chất:</b> là lễ hội lớn nhất của vùng đồng bằng Bắc Bộ.</li> <li>- <b>Cách dẫn dắt:</b> đi từ câu ngạn ngữ có tính chất đúc rút kinh nghiệm, bài học dân gian quý giá để vừa giới thiệu về lễ hội, vừa tạo sắc thái trang nghiêm, ấn tượng về hội Gióng.</li> </ul>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <p><b>Gv đặt câu hỏi gợi mở:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Liệt kê các địa điểm diễn ra hội Gióng?</li> <li>+ Em có nhận xét gì về các địa điểm đó?</li> <li>+ Tiến trình hội Gióng được diễn ra như thế nào?</li> <li>+ Nhận xét về cách miêu tả hội gióng của tác giả?</li> </ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p>	<p><b>2. Tiến trình của hội Gióng</b></p> <p><b>a. Các địa điểm diễn ra hội Gióng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Cổ Viên</b> : vườn cà của mẹ Thánh Gióng</li> <li>- <b>Miếu Ban</b>: nơi Thánh Gióng được sinh ra.</li> <li>- <b>Đền Mẫu (đền Hạ)</b>: nơi thờ mẹ Thánh Gióng.</li> <li>- <b>Đền Thượng</b>: nơi phụng thờ Thánh</li> </ul> <p><b>→ LỄ HỘI được diễn ra trên địa bàn, khu vực rộng lớn</b></p> <p>→ Cách giới thiệu không gian lễ hội theo trình tự lần lượt từ ngoài vào trong</p>

- Các bạn trong lớp nhận xét, góp ý, bổ sung câu trả lời cho bạn

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

➔ Giúp người đọc hình dung được hội Gióng diễn ra trên một khu vực rộng với những dấu vết còn lại của Gióng.

**b, Tiến trình hội Gióng**

**\* Ngày chuẩn bị Hội Gióng**

- Thời gian: 1/3 → 5/4 (âm lịch)
- Không gian: Khu vực rộng lớn xung quanh những vết tích còn lại của Thánh tại quê hương làng Phù Đổng
- Sự kiện: Chuẩn bị lễ hội
- Người tham dự: Dân làng

**\* Bắt đầu hội**

- Thời gian: 6/4 (âm lịch)
- Không gian: Đền Mẫu, đền Thượng
- Sự kiện: Lễ rước cờ, rước com chay
- Người tham dự: Dân làng
- Thời gian: 8/4 (âm lịch)
- Không gian: Từ đền Hạ về đền Thượng
- Sự kiện: Lễ rước nước
- Người tham dự: Dân làng

**\* Chính Hội**

- Thời gian: 9/4 (âm lịch)
- Không gian: Trước thủy đình ở đền Thượng. Một cánh đồng rộng lớn
- Sự kiện: Múa hát thờ, có hội trận và lễ khao quân. Hát dân ca, đánh cờ người. Chia nhau đồ tế lễ

	<p>- Người tham dự: 28 cô tương từ 9-12 tuổi, 80 phù giá, dăm ba bé trai, ông Trống, ông Chiêng và 3 viên Tiểu Cờ, dân chúng xem hội...</p> <p><b>* Văn hội</b></p> <p>- Không gian: Làng Phù Đổng</p> <p>- Thời gian: 10/4 (âm lịch)</p> <p>- Sự kiện: Lễ duyệt quân, tạ ơn Thánh</p> <p>- Người tham dự: Dân làng</p> <p>- Thời gian: 11/4 (âm lịch)</p> <p>- Sự kiện: Làm lễ rửa khí giới</p> <p>- Người tham dự: Dân làng</p> <p>- Thời gian: 12/4 (âm lịch)</p> <p>- Sự kiện: Làm lễ rước cờ báo tin thắng trận với trời đất</p> <p>- Người tham dự: Dân làng</p> <p><b>Nhận xét:</b></p> <p>+ Các thông tin được chọn lựa chính xác, tiêu biểu, sắp xếp theo trình tự thời gian, không gian, có số liệu cụ thể...</p> <p>+ Tác giả tái hiện sinh động, chân thực lễ hội Gióng.</p> <p><b>➔ ĐẶC TRƯNG CỦA VĂN THUYẾT MINH</b></p> <p>+ Tác giả bộc lộ cảm xúc tự hào, tôn kính, trân trọng, biết ơn với truyền thống văn hóa dân tộc</p>
<b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b>	<b>3. Ý nghĩa của hội Gióng</b>

<p><b>GV đặt câu hỏi gợi dẫn</b></p> <p>+ Theo em, hội Gióng có ý nghĩa gì ?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>- HS suy nghĩ trả lời</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <p>- HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b></p> <p>GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức.</p>	<p>- Lễ hội Gióng là một <i>di sản vô giá</i> của văn hóa dân tộc, giúp chúng ta có thể cảm nhận được <i>mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng</i>, thực tại và hư vô, linh thiêng và trần thế...</p> <p>- Lễ hội cần được <i>bảo tồn, phát huy để giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc</i></p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật</b></p> <p>- Bài văn thuyết minh một sự kiện ngắn gọn, theo trình tự thời gian.</p> <p>- Ngôn ngữ giản dị, rõ ràng, có hàm lượng thông tin cao</p> <p><b>2. Nội dung</b></p> <p>- Giới thiệu về lễ hội đền Gióng. Qua đó thể hiện nét đẹp văn hóa, dân tộc và truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc</p> <p>- Lễ hội là biểu tượng cho ý chí chống giặc ngoại xâm, cho bản chất kiên cường bất khuất, khát vọng hòa bình của dân tộc, gợi nhắc truyền thống lịch sử oai hùng của cha ông.</p>

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi GIÚP ÔNG VỀ TÔ

**1. Thời gian chuẩn bị cho hội Gióng chuẩn bị trong bao lâu?**

A. 1/3- 5/4 âm lịch

**2. Thời tiết trong ngày hội Gióng thường sẽ như thế nào?**

B. Mưa

**3. Trong hội trận, 28 cô tướng từ 9-12 tuổi mặc tướng phục đẹp tượng trưng cho điều gì?**

B. Quân địch

**4. Phương thức biểu đạt chính của văn bản “Ai ơi mùng 9 tháng 4” là gì?**

C. Thuyết minh

**5. Lễ hội Gióng còn có tên gọi khác là gì?**

D. Hội làng Phù Đổng

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

### Hoạt động 4: Vận dụng

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức hoạt động: *HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH NHÍ*

Yêu cầu: Em hãy đóng vai hướng dẫn viên du lịch, thuyết minh cho du khách về lễ hội truyền thống của quê hương mình.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.



## **Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## Tiết.....: VIẾT

### VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN (MỘT SỰ KIỆN VĂN HOÁ)

#### I. Mục tiêu

##### 1. Kiến thức:

- HS thấy được chức năng của kiểu VB thuyết minh thuật lại một sự kiện trong đời sống cũng như đặc điểm cơ bản của nó.
- HS viết được bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem qua, nghe sách báo, truyền hình, truyền thanh.

##### 2. Năng lực

###### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

###### b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

##### 3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

#### II. Thiết bị dạy học và học liệu

##### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

### III. Tiến trình dạy học

#### Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa ra câu hỏi: *Em hãy nhớ lại một lễ hội hoặc một sinh hoạt văn hóa mà em đã từng chứng kiến hoặc tham gia và chia sẻ cho các bạn trong lớp.*

- GV dẫn dắt vào bài học mới.....

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

**2.1. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá)**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài văn thuyết minh lại một sự kiện.

**b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p><i>GV cho HS tìm hiểu khởi niệm thuyết minh? Yêu cầu đối với văn thuyết minh thuật lại một sự kiện.</i></p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p>	<p><b>I. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá)</b></p> <p><b>1. Thuyết minh là gì?</b></p> <p>- Thuyết minh là phương thức giới thiệu những tri thức khách quan, xác thực và hữu ích về đặc điểm, tính chất,</p>

<p>- HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.</p> <p>- HS dựa vào SHS để trõnh bày cõc yêu cầu.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <p>- GV mời đại diện HS trõnh bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, giúp ý, bổ sung.</p> <p><b>Bước 4: Đõnh giỏ kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>nguyên nhân,... của các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, xã hội.</p> <p><b>2. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện</b></p> <p>- Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp.</p> <p>- Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian).</p> <p>- Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lý.</p> <p>- Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc.</p> <p>- Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.</p>
---	--

## 2.2 Phân tích bài viết tham khảo

**a. Mục tiêu:** Phân tích được bài viết tham khảo

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo SGK và trả lời câu hỏi</p>	<p><b>II. Phân tích bài viết tham khảo</b></p> <p>1. Vì sao em biết VB này được kể ở ngôi thứ nhất?</p>



- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức

+ Người thuyết minh xưng “tôi”: *trường tôi, tôi được tham gia....*

2. Phần đoạn, đoạn nào của bài viết giới thiệu về sự kiện?

+ Phần mở đầu đã giới thiệu bối cảnh, mục đích tổ chức hội chợ xuân.

3. Những chi tiết nào giới thiệu về bối cảnh để người đọc hiểu về sự kiện?

+ Thời gian: cuối năm âm lịch, sắp đến Tết

+ Không gian: trong sân trường

+ Diễn biến sự kiện: toàn bộ quá trình diễn ra hội chợ xuân từ việc chuẩn bị đến ngày diễn ra hội chợ, các hoạt động được tổ chức trong sân trường vào ngày hôm đó: khai mạc, hoạt động mua bán, vui chơi,...

4. Bài viết tường thuật theo trình tự nào?

+ Trật tự thời gian: *8 giờ sáng, sau, liền sau đó, đồng thời, 6 giờ chiều;*

+ Trình tự nguyên nhân - kết quả:

	chuẩn bị → khai mạc → diễn biến → kết thúc 5. Từ ngữ nào thể hiện nhận xét đánh giá của người viết trước sự kiện được tường thuật? + Từ ngữ thể hiện nhận xét đánh giá của người viết: <i>ấn tượng rất          sâu sắc; cảm nhận; kỉ niệm đáng          nhớ; ...</i>
--	---

### 2.3. Thực hành viết theo các bước

**a. Mục tiêu:** Nắm được các bước viết bài văn

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn HS, tìm hiểu đề tài, sự kiện, các bước tìm ý, lập dàn ý...</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul>	<p><b>III. Thực hành viết theo các bước</b></p> <p><b>1. Trước khi viết</b></p> <p><b>a. Lựa chọn đề tài, sự kiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đó là những sự kiện mà em đã được tham gia, chứng kiến, quan sát trực tiếp</li> <li>- Đó là những sự kiện mà em được tìm hiểu, được kể lại và để lại trong em nhiều ấn tượng sâu sắc</li> </ul> <p><i>Ví dụ: “Ngày hội sách”, “Lễ hội dân gian”....</i></p> <p><b>b. Tìm ý</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự kiện gì?</li> </ul>

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức

- Mục đích, ý nghĩa của việc tổ chức sự kiện là gì?

- Sự kiện xảy ra khi nào? Ở đâu?

- Những ai đã tham gia vào sự kiện?

- Hoạt động chính của sự kiện là gì?

- Họ đã nói và làm gì?

- Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?

- Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia sự kiện là gì?

**c. Lập dàn ý**

- **Mở bài:** Giới thiệu sự kiện (không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện)

- **Thân bài:** Tóm tắt diễn biến sự kiện theo trình tự thời gian.

+ Nhân vật tham gia sự kiện.

+ Các hoạt động chính của sự kiện; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.

+ Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất.

- **Kết bài:** Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết.

**2. Viết bài**

- Cần chọn ngôi tường thuật phù hợp, thống nhất ( ngôi thứ nhất)

- Cần biểu lộ cảm xúc, đánh giá ngắn gọn.

- Thuyết minh chi tiết, có trình tự.  
Cung cấp thông tin về bối cảnh, nhân vật tham gia, diễn biến của sự kiện

### 3. Chỉnh sửa bài viết

Các phần kiểm tra	Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
<i>Người thuyết minh</i>	- Là ai? (được tham gia trực tiếp hay chứng kiến, hoặc được tìm hiểu qua các phương tiện thông tin) - Chọn ngôi tường thuật phù hợp	- Nếu chưa đúng yêu cầu thì chỉnh lại.
<i>Mở bài</i>	- Tên sự kiện, thời gian, địa điểm, mục đích.	- Nếu thiếu thì bổ sung
<i>Thân bài</i>	- Không khí chung của sự kiện - Diễn biến chính của sự kiện	- Kiểm tra lại từng ý, chưa chuẩn cần bổ sung,



		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có những hoạt động nào?</li> <li>+ Hoạt động nào hấp dẫn nhất?</li> <li>+ Các hình ảnh, hoạt động cần chân thực khách quan.</li> <li>+ Sắp xếp theo một trình tự hợp lí chưa?</li> </ul>	điều chỉnh.
	<i>Kết bài</i>	- Cảm nghĩ, đánh giá, bộc lộ cảm xúc về sự kiện	- Kiểm tra lại từng ý, chưa chuẩn cần bổ sung, điều chỉnh.

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi *NHỒ CÀ RỐT*

**Câu 1:** Đây là dấu hiệu để nhận biết đó là một bài văn thuyết minh.

A : Đề bài có chứa từ ngữ thể hiện mệnh lệnh, yêu cầu như: giới thiệu, thuyết minh

**Câu 2: Phương pháp thuyết minh nào phù hợp với một bài văn thuyết minh?**

D : Sử dụng kết hợp tất cả các phương pháp trên

**Câu 3: Trình bày cấu tạo, các đặc điểm, lợi ích..của đối tượng là nội dung cụ thể của phần nào trong kết cấu của một bài văn thuyết minh.**

B : Thân bài

**Câu 4: Đề văn nào sau đây không phải là đề văn thuyết minh.**

C : Miêu tả về cuộc sống hàng ngày quanh em

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

#### **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:

***Thuyết minh về “NGÀY HỘI ĐỌC SÁCH” mà em được tham gia.***

***Thuyết minh về “NGÀY HỘI TRUYỀN THỐNG QUÊ EM” mà em được tham gia.***

**Gợi ý:**

- **Mở bài:** Giới thiệu sự kiện “NGÀY HỘI ĐỌC SÁCH” (không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện)

- **Thân bài:** Thuyết minh diễn biến sự kiện theo trình tự thời gian.

+ Không khí trước khi trước ra sự kiện: Sự chuẩn bị của mọi người, dựng rạp sách, sưu tầm nhiều mẫu sách, trang trí gian hàng sách... của học sinh và giáo viên trong trường

→ Không khí tưng bừng, náo nhiệt..

+ *Khi sự kiện diễn ra: gồm các hoạt động: giới thiệu sách, thi trang trí gian hàng sách, trao giải...*

+ *Khi kết thúc sự kiện: liên hoan*

- **Kết bài:** *Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết*

**Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## **TIẾT .....: NÓI VÀ NGHE**

### **KỂ LẠI MỘT TRUYỀN THUYẾT**

#### **I. Mục tiêu**

##### **1. Kiến thức:**

- Biết cách kể lại một truyền thuyết sao cho hấp dẫn và thuyết phục, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe.
- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

##### **2. Năng lực**

###### **a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

###### **b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

##### **3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

#### **II. Thiết bị dạy học và học liệu**

##### **1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

#### **III. Tiến trình dạy học**

## Hoạt động 1: Khởi động

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi **ĐOÁN Ý ĐỒNG ĐỘI**

**Hình thức:**

+ Gv chuẩn bị một hộp quà, trong đó có 10 đáp án tên truyện truyền thuyết.

+ Chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm cử đại diện 1 bạn lên bốc thăm đáp án (mỗi nhóm bốc 5 đáp án)

**Yêu cầu:** diễn tả đáp án bốc được bằng ngôn ngữ hoặc hình vẽ (không được nhắc đến tên đáp án)

**Thời gian:** 5 phút

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV dẫn vào bài học: .....

## Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

### 2.1. Trước khi nói

**a. Mục tiêu:** biết được các thông tin cần chuẩn bị trước khi nói và tập luyện

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b> - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói - HS thực hiện nhiệm vụ.	<b>I. TRƯỚC KHI NÓI</b> <b>1. Chuẩn bị nội dung</b> <b>- Chọn truyền thuyết và ngôi kể:</b> + Nên chọn truyền thuyết mà em yêu thích, có nội dung hấp dẫn, giàu ý

<p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học</li> <li>- Các nhóm luyện nói.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày sản phẩm thảo luận</li> <li>- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</li> </ul>	<p>nghĩa, có độ dài vừa phải. Nếu được chỉ định kể một truyền thuyết cụ thể, hãy đọc kĩ để nắm được các sự kiện, chi tiết tiêu biểu.</p> <p>+ Chọn ngôi kể là ngôi thứ ba (giống như ở truyền thuyết mà em đã đọc hoặc đã nghe).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tóm tắt câu chuyện:</b> Ghi lại các sự việc chính của câu chuyện theo một trật tự hợp lí (thường theo trình tự thời gian trước - sau, quan hệ nguyên nhân - kết quả) để dễ dàng ghi nhớ và kể lại.</li> <li>- <b>Xác định từ ngữ then chốt và giọng kể thích hợp</b></li> </ul> <p><b>2. Luyện tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập luyện một mình hoặc trước bạn bè, người thân... Thử nhiều cách kể khác nhau để chọn ra cách kể tốt nhất</li> <li>- Có thể lựa chọn và sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ: tranh ảnh, âm nhạc, đạo cụ, ngôn ngữ hình thể...</li> </ul>
---	---

## 2.2. Trình bày bài nói

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS tiến hành tìm ý và lập dàn ý (mở đầu, triển khai, kết luận)</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</li> </ul>	<p><b>II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI</b></p> <p><b>1. Mở đầu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lời chào, nụ cười thiện cảm</li> <li>- Tạo không khí thoải mái, thu hút sự chú ý của người nghe trước khi kể</li> <li>- Dẫn dắt vào vấn đề :<i>Ví dụ “Kể lại truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh”</i></li> </ul> <p>Ví dụ: Kính chào thầy cô và các bạn.  Tôi                    tên                    là.....học sinh.....trường..... Trong những câu chuyện truyền thuyết, câu chuyện mà em thích nhất là “Sơn Tinh Thủy Tinh”, đây là câu chuyện lí giải hiện tượng lũ lụt xảy ra hàng năm ở nước ta và là một câu chuyện hay, hấp dẫn.</p> <p><b>2. Triển khai</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần thay đổi giọng điệu linh hoạt khi trình bày và kết hợp ngôn ngữ hình thể giúp thu hút người nghe, tăng tính hấp dẫn và sinh động</li> <li>- Chú ý trình bày vào những nội dung cốt lõi, quan trọng để tránh lan man, dàn trải</li> <li>- Liên hệ thực tế: có những truyền thuyết vẫn còn lưu lại cho đến ngày nay bởi những bản kể và di tích lịch sử, kết hợp tranh ảnh...</li> </ul>

	<p><b>3. Kết luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chốt lại vấn đề vừa trao đổi</li> <li>- Lời cảm ơn</li> <li>- <b>Ví dụ:</b> Câu chuyện đã theo nhân dân ta cả nghìn đời nay, là sự chứng minh cho chiến thắng của nhân dân hàng năm, cho dù lũ lụt xảy ra nhưng vẫn phải rút, giống như Thủy Tinh có đem nước đánh Sơn Tinh bao nhiêu lần vẫn không thể đánh thắng. Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm</li> </ul>
--	--

### 2.3. Sau khi nói

- a. Mục tiêu:** Học sinh biết trao đổi, nhận xét về nội dung của bài nói
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
<p><b>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hướng dẫn HS đánh giá sau khi nói</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</b></p>	<p><b>III. SAU KHI NÓI</b></p> <p><b>Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:</b></p> <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Người nghe</th> <th>Người nói</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Yêu cầu người nói kể lại hay làm rõ những chi tiết liên</td> <td>- Bổ sung, làm rõ các chi tiết hoặc diễn biến câu chuyện.</td> </tr> </tbody> </table>	Người nghe	Người nói	- Yêu cầu người nói kể lại hay làm rõ những chi tiết liên	- Bổ sung, làm rõ các chi tiết hoặc diễn biến câu chuyện.
Người nghe	Người nói				
- Yêu cầu người nói kể lại hay làm rõ những chi tiết liên	- Bổ sung, làm rõ các chi tiết hoặc diễn biến câu chuyện.				



<p><b>và thảo luận</b></p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</b></p>	<p>quan đến các sự việc được kể.</p> <p>- Nêu nhận xét về bài kể (nội dung kể, cách kể...)</p>	<p>- Trao đổi lại các ý kiến nhận xét của người nghe. Cảm ơn và tiếp thu những góp ý, nhận xét xác đáng.</p>
--	--	--

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV tổ chức hoạt động *CÙNG THỂ HIỆN TÀI NĂNG***

**YÊU CẦU:** Mỗi nhóm chọn 1 đề bài, chuẩn bị trong 10 phút và cử 1 bạn đại diện lên trình bày trước lớp.

+ Kể lại truyền thuyết Thánh Gióng

+ Kể lại truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh

+ Lớp lắng nghe, nhận xét bài theo bảng đánh giá.

#### **Bài nói tham khảo**

Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là.....học sinh.....trường..... Trong những câu chuyện truyền thuyết, câu chuyện mà em thích nhất là “Sơn Tinh Thủy Tinh”, đây là câu chuyện lí giải hiện tượng lũ lụt xảy ra hàng năm ở nước ta và là một câu chuyện hay, hấp dẫn.

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết dịu hiền. Tương truyền rằng, công chúa có làn da trắng như tuyết, mái tóc dài mượt thướt tha như nước suối chảy, đôi mắt sáng long lanh như những vì tinh tú trên bầu trời cao. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng xứng đáng. Khi công chúa đến tuổi gả chồng, nhà vua truyền lệnh đi khắp nơi mở hội kén chồng cho công chúa. Những anh hùng từ

khắp nơi đổ về, toàn là người tài hoa tuấn tú mong được kết duyên cùng công chúa nhưng đã mấy tháng trời mà chẳng có lấy một người lọt vào mắt xanh của nhà vua.

Một hôm, có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người cao to, vạm vỡ, giọng nói như sấm vang rừng xanh, đôi mắt như cái nhìn của chim ưng, tự xưng là Sơn Tinh, người cai quản vùng núi Tản Viên. Một người mình toát lên khí thế của vạn con sóng tràn, vai năm tấc rộng, thân mười tấc cao, tự xưng là Thủy Tinh, là người cai quản cả đại dương rộng lớn. Hai chàng xin phép trước mặt vua Hùng để thi tài cao thấp. Sơn Tinh thì tài dòn non chuyển núi, chàng vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Thủy Tinh cũng không chịu thua kém, chàng hô một tiếng, muốn mưa có mưa, muốn gió có gió, chàng vung tay một cái, dù đang có bão cũng phải mưa tạnh mây tan. Hai chàng ai ai cũng tài năng, ai ai cũng thân phận cao quý, cũng đều xứng đáng làm rể nhà vua, không biết phải xử trí thế nào, vua Hùng suy nghĩ một lúc rồi phán:

- Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Thôi thì mai ai mang sính lễ đến trước ta sẽ gả con gái cho.

Hai chàng tâu hỏi đồ sính lễ sắm những gì thì vua Hùng bảo: “Một trăm ván cơm nếp, một trăm tệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi không thể thiếu thứ gì.”

Hôm sau, tới tờ mờ sáng, Sơn Tinh đem lễ vật tới trước nên được rước Mị Nương về, Thủy Tinh đến sau, không cưới được Mị Nương bèn đem quân đánh Sơn Tinh hùng đòi lại Mị Nương.

Thần hô những tiếng vang trời làm mưa gió ùn ùn kéo đến mỗi lúc một lớn làm rung chuyển cả đất trời. Nước sông dâng lên cuồn cuộn chảy làm ngập ruộng đồng, nhà cửa, nhảm chìm mọi đất đai, dâng lên lưng chừng đồi. Cả thành Phong Châu ngập trong biển nước. Từ dưới mặt nước, những con thủy quái, bạch tuộc, thường luồng, cá sấu,... bắt đầu hiện lên trực chờ, chúng va vào chân núi, phun nước trắng xóa như khiêu khích đối thủ. Sơn Tinh không hề nao núng, chàng bớc

từng quả đồi, đồi từng dãy núi, sơ tán nhân dân. Nước của Thủy Tinh dâng cao đến đâu, núi của Sơn Tinh lại dâng cao đến đấy. Chàng đưa tay ngang miệng huýt một hồi sáo dài, từ trong rừng thẳm, nào là voi, hươu, hổ, báo, gấu,... nườm nượp kéo tới, ....chúng kéo những hòn đá nặng tảng một ném xuống đê chết lũ thủy quân bên dưới. Hai bên đánh nhau lâu mà sức Sơn Tinh vẫn vững, trong lúc sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân, phần thắng thuộc về Sơn Tinh và nhân dân lại được ấm no như trước. Từ đó, oán nặng, thù sâu, hàng năm, Thủy Tinh vẫn dâng nước đánh Sơn Tinh, nhưng năm nào cũng vậy, Thủy Tinh lại phải thất bại quay về.

Câu chuyện đã theo nhân dân ta cả nghìn đời nay, là sự chứng minh cho chiến thắng của nhân dân hàng năm, cho dù lũ lụt xảy ra nhưng vẫn phải rút, giống như Thủy Tinh có đem nước đánh Sơn Tinh bao nhiêu lần vẫn không thể đánh thắng.

Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm

#### **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV áp dụng “*kĩ thuật 3 lần 3*” giúp HS đánh giá, nhận xét bài nói của nhóm bạn (3 điểm tốt, 3 điểm chưa tốt, 3 đề nghị cải tiến) và chấm điểm theo bảng đánh giá bài nói theo mẫu sau:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ			
NHÓM.....			
TIÊU CHÍ	Chưa đạt	Đạt	Tốt
<b>1. Nội dung truyện kể</b>	Kể chưa đầy đủ các sự việc chính, người nghe chưa hiểu được câu chuyện (1 điểm)	Kể đầy đủ, chính xác câu chuyện truyền thuyết lựa chọn, người nghe hiểu được câu chuyện (2 điểm)	Kể thu hút người nghe, có sáng tạo, làm cho câu chuyện hấp dẫn (3- 4 điểm)
<b>2. Nói to, rõ ràng, truyền cảm</b>	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.(0 điểm)	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. (1 điểm)	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng (2 điểm)
<b>3. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt...) phù hợp</b>	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.(0 điểm)	Điều bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề (1 điểm)	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.(2 điểm)
<b>4. Mở đầu và kết thúc hợp lí</b>	Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói.(0 điểm)	Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói.(1 điểm)	Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. (2 điểm)
			<b>Tổng: ...../10 điểm</b>

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

### Hoạt động 5: Củng cố- mở rộng

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

**Bài tập 1:** Thảo luận về các đặc điểm của truyền thuyết và hoàn thiện bảng theo mẫu sau:

STT	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	Thường kể lại cuộc đời và chiến công của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong tục, sản vật địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian.
2	Nhân vật	Nhân vật chính của truyền thuyết là những người anh hùng. Họ thường phải đối mặt với những thử thách to lớn, cũng là thử thách của cả cộng đồng. Họ lập nên những chiến công phi thường nhờ có tài năng xuất chúng và sự hỗ trợ của cộng đồng
3	Cốt truyện	Truyền thuyết được kể theo mạch tuyến tính (có tính chất nối tiếp, theo trình tự thời gian). Nội dung thường gồm ba phần

		gắn với cuộc đời của nhân vật chính: hoàn cảnh xuất hiện và thân thế; chiến công phi thường; kết cục.
4	Lời kể	Lời kể của truyền thuyết cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm gây ấn tượng về tính xác thực của câu chuyện.
5	Yếu tố kì ảo	Yếu tố kì ảo (lạ và không có thật) xuất hiện đậm nét ở tất cả các phần nhằm tôn vinh, lí tưởng hóa nhân vật và chiến công của họ.

**Bài tập 2: Sưu tầm một số bản kể khác của các truyền thuyết dã học. So sánh và nêu nhận xét về sự giống và khác nhau (sự kiện, chi tiết,...) giữa các bản kể.**

- Ví dụ một số dị bản của truyền thuyết “Thánh Gióng”:

+ Bản kể trong sách “Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam” của tác giả Nguyễn Đồng Chi.

+ Bản kể trong sách “Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập 1 – văn học dân gian” do Phong Châu kể.

**Rút kinh nghiệm**

.....  
.....  
.....

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## TIẾT.....: BÁNH CHUNG BÁNH GIÀY

### I. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản “Bánh chưng, bánh giầy”.
- Cách giải thích của người Việt cổ về một phong tục và quan niệm đề cao lao động, đề cao nghề nông- một nét đẹp văn hoá của người Việt.

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung:

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

##### b. Năng lực riêng:

- Năng lực văn học: nhận biết, bước đầu nhận xét, phân tích được ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu trong văn bản
- Năng lực ngôn ngữ: Hiểu ý kiến các bạn, nắm bắt được thông tin từ phần giới thiệu bài

#### 3. Phẩm chất:

- Biết trân trọng lưu giữ những nét đẹp truyền thống văn hoá dân tộc.

### II. Thiết bị dạy học và học liệu

#### 1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### **III. Tiến trình dạy học**

#### **Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi giải đố

Minh vương vức, áo xanh xanh

Da xanh, thịt trắng, đỏ hành ở trong

*Là bánh gì?*

→ *Bánh chưng*

*Bánh gì cồm cộm trắng bông?*

→ *Bánh giày*

- *GV dẫn dắt vào bài mới:* Hàng năm, mỗi khi tết đến xuân về, nhân dân ta – con cháu các vua Hùng – từ miền ngược đến miền xuôi, vùng rừng núi cũng như vùng biển lại nô nức hồ hởi chớ lá dong, xay đỗ, giã gạo gói bánh. Quang cảnh ấy làm chúng ta thêm yêu quý, tự hào về nền văn hóa cổ truyền, độc đáo của dân tộc và như làm sống lại truyền thuyết “Bánh chưng, bánh giày” mà hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

#### **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin cơ bản về tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Thao tác 1: đọc- chú thích</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 bạn đọc trước lớp</li> <li>- <b>Giọng đọc:</b> trôi chảy, âm lượng vừa đủ, chú ý lời đối thoại của nhân vật</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm</li> <li>- GV quan sát, hỗ trợ</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá</li> </ul>	<p><b>I. Đọc- Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Đọc- chú thích</b></p> <p><b>a. Đọc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 1 bạn đọc trước lớp</li> <li>- <b>Giọng đọc:</b> trôi chảy, âm lượng vừa đủ, chú ý lời đối thoại của nhân vật</li> </ul> <p><b>b. Chú thích</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Phúc âm:</b> phúc lành của tổ tiên để lại cho con cháu</li> <li>- <b>Ghẻ lạnh:</b> thờ ơ, xa lánh, không quan tâm</li> <li>- <b>Tả hữu:</b> chỉ người thân cận giúp việc cho vua, quan ngày xưa</li> <li>- <b>Mẫy:</b> to, dày và chắc</li> <li>- <b>Sơn hào hải vị:</b> những món ngon và lạ</li> <li>- <b>Quần thần:</b> các bề tôi, quan trong triều</li> </ul>
<p><b>Thao tác 2: Tìm hiểu về tác phẩm</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS: Đọc văn bản và cho biết: Tác phẩm thuộc thể loại gì? Nhân vật chính là ai? Sử dụng phương thức</li> </ul>	<p><b>2. Tìm hiểu chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Thể loại:</b> Truyền thuyết</li> <li>- <b>Nhân vật chính:</b> Lang Liêu</li> <li>- <b>PTBD:</b> tự sự</li> <li>- <b>Bố cục</b></li> </ul>



biểu đạt gì? Em hãy chia bố cục cho tác phẩm.

- GV yêu cầu HS: tham gia hoạt động tóm tắt văn bản.



*Hay điền số tự thích hợp để có một diễn biến cốt truyện hợp lí*

- 2 - Vua có 20 người con, không biết chọn ai cho xứng đáng lên ra lời thách đố.
- 4 - Lang Liêu - con thứ 18 là người thiệt thòi nhất, làm nghề trồng lúa, buồn vì không biết lấy gì để lễ cúng Tiên Vương.
- 3 - Các lang đua nhau làm cỗ thật ngon mong làm vừa ý vua.
- 6 - Bánh của Lang Liêu được chọn tế trời đất cùng Tiên Vương. Lang Liêu được chọn nối ngôi vua.
- 1 - Vua Hùng về già muốn chọn người nối ngôi.
- 5 - Thần mách bảo Lang Liêu lấy gạo làm bánh.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

+ *Phần 1*: Từ đầu đến “*chúng giám*”:

➔ Vua Hùng chọn người nối ngôi

+ *Phần 2*: Tiếp đến “*hình tròn*”

➔ Lang Liêu được thần giúp đỡ.

+ *Phần 3*: Phần còn lại

➔ Lang Liêu được chọn nối ngôi

- **Tóm tắt các sự việc chính**

Vua Hùng về già muốn chọn người nối ngôi. → Vua có 20 người con, không biết chọn ai cho xứng đáng lên ra lời thách đố. → Các lang đua nhau làm cỗ thật ngon mong làm vừa ý vua. → Lang Liêu - con thứ 18 là người thiệt thòi nhất, làm nghề trồng lúa, buồn vì không biết lấy gì để lễ cúng Tiên Vương. → Thần mách bảo Lang Liêu lấy gạo làm bánh. → Bánh của Lang Liêu được chọn tế trời đất cùng Tiên Vương. Lang Liêu được chọn nối ngôi vua

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được các sự kiện, nhân vật trong truyện

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b> GV phát vấn: Đọc phần đầu của văn bản cho cho biết vì sao vua Hùng lại truyền ngôi? Ý định của Vua chọn người truyền ngôi như thế nào? Hình thức chọn người chọn người nối ngôi ra sao?</p> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</b> - HS đọc cá nhân.</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b> - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p><b>II. Khám phá văn bản</b></p> <p><b>1. Vua hùng chọn người nối ngôi</b> <b>* Hoàn cảnh:</b> - Vua đã già, muốn truyền ngôi - Vua có 20 người con - Giặc ngoài đã yên, vua có thể chăm lo cho dân được no ấm</p> <p><b>* Ý định:</b> Người nối ngôi phải nối được chí vua, không nhất thiết là con trưởng</p> <p><b>* Hình thức:</b> Vua ra một câu đố. Nhân lễ Tiên vương, ai dâng lễ vật vừa ý vua sẽ được truyền ngôi. ➔ Vua sáng suốt, công minh, coi trọng người tài chứ không coi trọng thứ bậc</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b> GV hỏi: + Em hãy giới thiệu đôi nét về nhân vật Lang Liêu? + Cuộc đua tài truy tìm lễ vật giữa các hoàng tử diễn ra như thế nào? Kết quả ra sao?</p> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b> - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân</p> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b> HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p>	<p><b>2. Cuộc đua tài dâng lễ vật</b></p> <p><b>a. Giới thiệu nhân vật Lang Liêu</b> - Lang Liêu là con vua, nhưng lại sống giản dị, quen với việc chăm lo đồng áng, trồng lúa, trồng khoai - Mẹ của Lang Liêu trước kia bị vua cha ghẻ lạnh, sau đó mất đi để lại một mình chàng. ➔ So với các anh em, Lang Liêu là người thiết thời nhất</p>

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

**b. Cuộc truy tìm lễ vật dâng cha của các hoàng tử****\* LANG LIÊU**

- Lang Liêu nằm mơ, được thần mách bảo hãy dùng thứ gạo nếp quen thuộc để làm thành lễ vật dâng vua cha

+ Chàng lấy gạo nếp vo sạch, lấy đậu xanh thịt lợn làm nhân, gói bằng lá dong thành hình vuông, đem luộc một ngày một đêm

+ Cũng thứ gạo nếp ấy đồ lên, đem giã nhuyễn rồi nặn thành hình tròn

<b>LANG LIÊU</b>	<b>CÁC HOÀNG TỬ</b>
Lang Liêu nằm mơ, được thần mách bảo hãy dùng thứ gạo nếp quen thuộc để làm thành lễ vật dâng vua cha	Các hoàng tử cho người đi khắp nơi để tìm những của ngon vật lạ để đem về dâng vua cha
→ Đó là những vật liệu mà con người làm ra được	→ Đó là những vật liệu mà con người không làm ra được

	<p><b>KẾT QUẢ:</b> Vua Hùng rất hài lòng và Lang Liêu được nối ngôi cha</p> <p>→ Thể hiện thái độ, cách đánh giá của nhân dân: mong muốn về một vị vua anh minh, yêu dân, lấy dân làm gốc.</p>
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hỏi: Phong tục bánh chưng bánh giầy có ý nghĩa gì?</li> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <p>HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b></p> <p>GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.</p>	<p><b>3. Ý nghĩa của phong tục bánh chưng bánh giầy.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bánh hình tròn tượng trưng cho trời → bánh giầy</li> <li>- Bánh hình vuông tượng trưng cho đất → bánh chưng</li> <li>- Lá bọc bên ngoài tượng trưng cho sự đùm bọc lẫn nhau, truyền thống “thương người như thể thương thân” của dân tộc ta</li> <li>→ Ý nghĩa thực tế: quý hạt gạo, trọng nghề nông (là nghề gốc của đất nước làm cho ND được no ấm)</li> <li>→ Ý nghĩa sâu xa: Đề cao phong tục thờ kính Trời, Đất, và tổ tiên của nhân dân ta.</li> <li>→ Tục lệ của dân tộc ta: Hằng năm, mỗi khi Tết đến, bánh chưng bánh giầy là món vẫn không thể thiếu của mỗi gia đình</li> </ul>

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hỏi: Nêu những đặc trưng về cốt truyện và nhân vật truyền thuyết được thể hiện qua văn bản “Bánh chưng, bánh giầy”?

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

**4. Đặc trưng truyền thuyết của văn bản**

**\* Đặc điểm cốt truyện truyền thuyết**

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ	Đặc điểm khác lạ so với các hoàng tử khác: Lang Liêu mất mẹ từ sớm, là chàng trai hiền hậu, chăm chỉ, hiếu thảo
b. Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật	Lang Liêu đã làm ra được hai thứ bánh giản dị mà ý nghĩa sâu sắc nên được truyền ngôi.
c. Cuối truyện thường gọi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại	Mỗi khi tết đến, nhà nhà làm bánh chưng, bánh giầy để dâng cúng Trời đất và tổ tiên →

	đến "ngày nay"	PHONG TỤC CỔ TRUYỀN								
<p><b>* Đặc điểm nhân vật truyền thuyết</b></p>										
<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="868 519 1126 645">Đặc điểm</th> <th data-bbox="1126 519 1385 645">Chi tiết biểu hiện</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="868 645 1126 1032">a. Thường có những đặc điểm khác lạ về tài năng, lai lịch, phẩm chất.</td> <td data-bbox="1126 645 1385 1032">Lang Liêu mất mẹ từ sớm, là con vua nhưng có lối sống giản dị, gần gũi với nông dân</td> </tr> <tr> <td data-bbox="868 1032 1126 1615">b. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn với cộng đồng.</td> <td data-bbox="1126 1032 1385 1615">Sự kiện: vua Hùng tìm người nối ngôi. Lang Liêu đã tìm ra, sáng tạo ra một loại bánh gần gũi với cuộc sống nông dân</td> </tr> <tr> <td data-bbox="868 1615 1126 1912">c. Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.</td> <td data-bbox="1126 1615 1385 1912">Hàng năm Tết đến, bánh chưng bánh giầy là những lễ vật để dâng</td> </tr> </tbody> </table>			Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện	a. Thường có những đặc điểm khác lạ về tài năng, lai lịch, phẩm chất.	Lang Liêu mất mẹ từ sớm, là con vua nhưng có lối sống giản dị, gần gũi với nông dân	b. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn với cộng đồng.	Sự kiện: vua Hùng tìm người nối ngôi. Lang Liêu đã tìm ra, sáng tạo ra một loại bánh gần gũi với cuộc sống nông dân	c. Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.	Hàng năm Tết đến, bánh chưng bánh giầy là những lễ vật để dâng
Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện									
a. Thường có những đặc điểm khác lạ về tài năng, lai lịch, phẩm chất.	Lang Liêu mất mẹ từ sớm, là con vua nhưng có lối sống giản dị, gần gũi với nông dân									
b. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn với cộng đồng.	Sự kiện: vua Hùng tìm người nối ngôi. Lang Liêu đã tìm ra, sáng tạo ra một loại bánh gần gũi với cuộc sống nông dân									
c. Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.	Hàng năm Tết đến, bánh chưng bánh giầy là những lễ vật để dâng									

		cúng bàn thờ, tổ tiên
<p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</li> </ul>	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi tiết tưởng tượng kì ảo nhiều ý nghĩa.</li> <li>- Kết cấu chặt chẽ, các chi tiết nghệ thuật thực - ảo đan xen hợp lí khiến cho câu chuyện trở nên hấp dẫn.</li> </ul> <p><b>2. Nội dung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngợi ca, tôn vinh người anh hùng văn hóa của người Việt.</li> <li>- Tôn trọng văn minh nông nghiệp.</li> <li>- Lí giải nguồn gốc làm bánh chưng, bánh giầy ngày tết.</li> </ul>	

### Hoạt động 3: Luyện tập

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy đóng vai nhân vật Lang Liêu để giới thiệu về ý nghĩa của bánh chưng, bánh giầy trong lúc vua cha và các quần thần thưởng thức hai loại bánh này.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

### Hoạt động 4: Vận dụng

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. **Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Đọc bài thơ chuyển thể từ truyền thuyết Bánh chưng bánh giầy. Từ đó cảm nhận về bài thơ.



- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

### Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....